

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-PT

Ngày 16 - 8 - 2023

V/v ly hôn, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Lại Văn Tùng

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 22/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, nuôi con và tranh chấp tài sản khi ly hôn.

Do bản án số 273/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đức H; sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 29 CL 3 Khu đô thị Dệt May Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị P; sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 29 CL 3 Khu đô thị Dệt May Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vũ Thị P:

Luật sư Phạm Thị H- Công ty TNHH Minh H và Cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Công Đ; sinh năm 1953;

2. Bà Vũ Thị H; sinh năm 1954;

Cùng nơi cư trú: Chợ H, xã Liên M, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ và bà H:*

Anh Vũ Văn Q; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Trung N, xã Liên M, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định.

3. Anh Trần Đức C; sinh năm 1966

4. Chị Trần Thị O; sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: Xóm N, xã Trung T, huyện Vụ B, Nam Định.

5. Anh Vũ Văn Q; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Trung N, xã Liên M, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định.

6. Anh Vũ Văn D; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Vĩnh L, xã Vĩnh H, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Đức H là nguyên đơn; chị Vũ Thị P là bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh H, chị P, Luật sư H, anh C, chị O, anh Q và anh D có mặt. Vắng mặt ông Đ, bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Bảo, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định vào ngày 22-02-2019. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị P hờn lảo, coi thường và thiếu trách nhiệm với gia đình chồng. Anh cũng đã tạo điều kiện khuyên chị P về ở với gia đình chồng để hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn nhưng chị P không nhất trí. Mâu thuẫn càng tăng, chị P không thay đổi tính cách. Vợ chồng hiện đang sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng một con chung là Trần Vũ Gia B, sinh ngày 13-12-2021. Nếu ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung anh cũng nhất trí vì con còn nhỏ. Việc cấp dưỡng nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng vì hiện nay mức lương của anh 8.000.000 đồng/tháng, anh còn chi tiêu và cấp dưỡng cho hai con chung của anh và chị Đào Thị Thu H theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về tài sản chung:

- Về thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt May Nam Định:

Anh có quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ Tổ dân phố Trung Hành 9, pH Đăng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11-02-2019 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giữa anh và chị Đào Thị Thu H.

Sau khi kết hôn với chị P, anh đã bán thửa đất trên cho anh Bùi Đức Thắng và chị Nguyễn Thuỳ Linh địa chỉ Trung Hành 8, pH Đăng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giá 2.156.000.000 đồng. Sau đó, anh đã dùng số tiền này mua thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định trị giá 1.827.000.000 đồng vào khoảng tháng 4 năm 2019. Do khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu phải khai tên vợ, nên anh đã đưa tên chị P vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh xác nhận thửa đất này là tài sản riêng của anh.

- Về căn nhà 4 tầng xây dựng trên đất:

Quá trình chung sống vợ chồng đã vay tiền của bố mẹ vợ là ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H 1.500.000.000 đồng để xây dựng nhà trên đất. Ngày 01-3-2021 anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định. Sau đó, anh đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất vay Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam 2.000.000.000 đồng. Số tiền 02 tỷ đồng này dùng trả nợ cho ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H 1.500.000.000 đồng. Quá trình trả nợ hoàn toàn từ công sức của anh nên căn nhà này phần lớn là công sức của anh.

Quan điểm của anh về việc phân chia tài sản chung: Về thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định là tài sản riêng của anh nhưng vì tình nghĩa anh có thể chia cho chị P 10-15% giá trị quyền sử dụng đất. Về căn nhà 4 tầng xây dựng trên đất vợ chồng cùng có công sức vay mượn xây dựng lên, nhưng sau đó việc chi trả là toàn bộ công sức của anh nên đề nghị được chia phần nhiều hơn tỷ lệ anh 60, chị P 40. Đây là căn nhà và là chỗ ở duy nhất của anh, là mồ hôi công sức của anh, hiện nay anh phải đi thuê nhà nên anh đề nghị được sử dụng nhà đất và thanh toán chênh lệch tài sản cho chị P.

Về vay nợ chung:

- Vợ chồng vay của bố mẹ vợ là ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H số tiền 1.500.000.000 đồng để xây dựng nhà và lãi phát sinh. Ngày 30-3-2021 anh và chị P đã vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam vay 2.000.000.000 đồng. Số tiền vay Ngân hàng, anh trả cho ông Đ, bà H 1.500.000.000 đồng. Hiện nay, anh và chị P còn nợ ông Đ, bà H 160.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số tiền 160.000.000 đồng.

- Ngoài ra, chị P trình bày vợ chồng còn vay của ông Đ và bà H 01 cây vàng, bà H bán được 53.000.000 đồng đưa cho anh và chị P vay nhiều lần, anh không biết khoản nợ này nhưng nay anh cũng nhận trách nhiệm trả cùng chị P.

- Năm 2019 Anh H mua xe ô tô Santafe, số tiền mua ô tô là tiền vay của anh Phạm Văn Hợp và Ngô Thị Ly cư trú tại Khu đô thị Dệt may Nam Định 1.200.000.000 đồng. Sau khi đi làm xa về, anh đã mang tiền về trả cho chị Ly 800.000.000 đồng còn nợ lại 400.000.000 đồng. Sau khi thế chấp Ngân hàng trả cho ông Đ và bà H 1.500.000.000 đồng, số tiền còn lại anh đã trả cho anh Hợp và chị Ly 400.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi. Còn lại 80.000.000 đồng anh đưa cho chị P quản lý.

- Một thời gian sau, anh và chị P thống nhất bán xe ô tô Santafe với giá 1.185.000.000 đồng cộng thêm tiền lương của anh gửi về trả Ngân hàng 1.400.000.000 đồng. Số tiền nợ Ngân hàng còn thiếu vợ chồng vay của vợ chồng chị Trần Thị O và anh Trần Đức C địa chỉ Xóm N, xã Trung T, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định 600.000.000 đồng để tất toán khoản nợ Ngân hàng.

- Chị P còn trình bày khoản nợ lắp đặt cửa kính và các thiết bị khác vào căn nhà xây dựng trên đất của anh Vũ Văn D là 50.000.000 đồng. Anh H cũng chấp nhận cùng thanh toán khoản nợ này.

Trước khi đi công tác, anh và chị P đã làm đủ thủ tục thụ tinh trong ống nghiệm và đã nộp đầy đủ mọi chi phí. Số tiền anh để ở nhà rất nhiều, chị P không thể chi tiêu hết. Nay chị P trình bày, vay của anh Vượng số tiền 300.000.000 đồng và vay của anh Vũ Văn Q 200.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt và sinh con là không phù hợp thực tế. Sau đó chị P lại vay của anh Q 300.000.000 đồng để trả nợ anh Vượng. Toàn bộ các khoản nợ này anh không biết, không vay.

Ngoài ra, trong thời gian anh đi công tác, anh gửi về cho chị P tổng số tiền lương là 1.136.000.000 đồng, để lại nhà 01 xe SH chị P đã bán 70.000.000 đồng và 2 cây vàng chị P đang quản lý, 01 bộ bàn ghế và toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị P đã bán 29.000.000 đồng. Nay chị P kê khai đã chi tiêu hết số tiền trên, mặc dù anh không chấp nhận việc kê khai của chị P nhưng anh xác định để lại cho chị P chi tiêu cho con nên anh không yêu cầu chia.

Anh xác nhận nợ chung của vợ chồng gồm: Khoản nợ 160.000.000 đồng và lãi phát sinh trên số nợ 7,4%/năm của ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H và 53.000.000 đồng; khoản nợ 600.000.000 đồng của anh Trần Đức C, chị Trần Thị O và khoản lãi anh C, chị O đã trả cho Ngân hàng thay cho anh, chị P và khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ 600.000.000 đồng với lãi suất 5%/năm; khoản nợ của anh Vũ Văn D số tiền 50.000.000 đồng, những khoản nợ này anh và chị P cùng có trách nhiệm trả.

Chị P trình bày vay tiền của anh Q để nộp gói tiêm chủng cho con, mặc dù chị P còn quản lý một khoản tiền chung để chi tiêu nhưng anh chấp nhận cùng chị P chi trả khoản tiền nộp gói tiêm chủng của con. Còn khoản tiền khác chị P vay của anh Vượng, rồi vay của anh Q, anh không chịu trách nhiệm trả, đó là nợ riêng của chị P.

2. Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Vũ Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như Anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tH xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do mâu thuẫn về gia đình chồng và nàng dâu, sau đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng không tìm ra tiếng nói chung. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên đồng ý ly hôn với Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Vũ Gia B, sinh ngày 13-12-2021. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị yêu cầu Anh H cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị yêu cầu Anh H cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Chị thừa nhận nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt May Nam Định như Anh H trình bày là đúng. Khoảng tháng 4 năm 2019 Anh H bán thửa đất tại địa chỉ: Tổ dân phố Trung Hành 9, pH Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có trước khi kết hôn với chị. Sau đó, Anh H dùng số tiền này, mua đất tại địa chỉ: Số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định. Số tiền bán đất ở Hải Phòng và số tiền mua đất ở Khu đô thị Dệt may Nam Định đúng như anh H trình bày. Tuy nhiên, chị không nhất trí quan điểm của Anh H xác định đây là tài sản riêng của Anh H, vì khi làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Anh H đã tự nguyện đưa tên chị vào. Nay chị đề nghị thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng.

Về việc xây dựng nhà và chi tiêu số tiền lương của Anh H gửi về như sau: Vợ chồng đã vay của bố mẹ chị trước đó là 400.000.000 đồng. Sau đó, xây nhà đã vay thêm 1.100.000.000 đồng. Quá trình xây dựng nhà Anh H gửi tiền về chị lấy 350.000.000 đồng để hoàn thiện nội thất. Tiền mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, gia dụng tổng số tiền là 100.000.000 đồng (không có hoá đơn cụ thể). Chi tiêu cho bố mẹ Anh H tổng số tiền là 92.500.000 đồng (chị P đã kê cụ thể trong đơn trình bày ngày 14-4-2023), tiền chi phí khám và điều trị tại bệnh viện Bru điện, Bệnh viện Phụ sản trung ương, bệnh viện An Thịnh số tiền 35.000.000 đồng (không có hoá đơn); tiền Anh H mổ tại bệnh viện Nam học và hiếm muộn Hà Nội số tiền là 15.000.000 đồng (không có hoá đơn); tiền mua xe SH số tiền là 105.000.000 đồng; tiền vợ chồng đi làm thủ tục thụ tinh trong ống nghiệm là 150.000.000 đồng (không có hoá đơn). Số tiền còn lại là 350.000.000 đồng chị dùng chi trả mua ô tô và ăn uống sinh hoạt. Số tiền lương của Anh H gửi về chị đã chi tiêu hết. Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất tại số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định.

Về chiếc ô tô Santafe 18A222.74 mua năm 2020 giá 1.280.000.000 đồng.

Tiền mua ô tô là vay của anh Phạm Văn Hợp và Ngô Thị Ly, cư trú tại Khu đô thị Dệt may Nam Định 1.200.000.000 đồng. Sau đó, Anh H đi làm xa mang tiền về 400.000.000 đồng cùng tiền có ở nhà chị gộp vào được 800.000.000 đồng, trả chị Ly và anh Hợp, số tiền nợ còn lại vợ chồng vay Ngân hàng 2.000.000.000 đồng vừa trả bố mẹ chị, vừa trả anh Hợp là 400.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi.

Chị thừa nhận vợ chồng đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam 2.000.000.000 đồng; số tiền này trả cho ông Đ và bà H 1.500.000.000 đồng, trả cho anh Hợp và chị Ly 420.000.000 đồng vay khi mua ô tô. Nay vợ chồng còn nợ của ông Đ và bà H 160.000.000 đồng gồm gốc và lãi phát sinh. Ngoài ra, vợ chồng còn vay của ông Đ bà H nhiều lần tổng cộng là 1 cây vàng bà H bán được 53.000.000 đồng đưa tiền cho vợ chồng chị.

Khoảng tháng 5 năm 2021 chị bán ô tô Santafe giá 1.185.000.000 đồng, cộng thêm tiền chị tích góp trả Ngân hàng 1.400.000.000 đồng. Số tiền 600.000.000 đồng còn lại Anh H đi làm trả nợ nốt (hiện nay vợ chồng đã tắt toán khoản vay của Ngân hàng). Chị có biết anh C gửi tiền vào tài khoản của chị, để trả nợ Ngân hàng, nhưng chị không biết việc vay nợ giữa Anh H và anh C, chị O. Tại biên bản hòa giải ngày 28-12-2022 chị có thừa nhận khoản tiền vay này là do chị không đọc kỹ biên bản hòa giải.

Vợ chồng chị còn khoản nợ của anh Vũ Văn D là 50.000.000 đồng tiền vật liệu xây dựng khi làm nhà.

Ngoài ra, trong thời gian Anh H đi vắng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn Anh H không gửi lương về nên chị đã vay của bạn bè, họ hàng để chuyển phôi và sinh con. Cụ thể, vay của anh Vượng địa chỉ 108 Lê Hồng Phong, pH Phan Đình Phùng, TP Nam Định 300.000.000 đồng để chi tiêu trong thời gian Anh H không gửi tiền về. Vay của anh Vũ Văn Q 200.000.000 đồng chi tiêu sinh con. Sau đó, lại vay của anh Vượng để trả cho anh Q, khi anh Q cần tiền. Thời gian gần đây anh Nguyễn Vượng đòi nợ, nên chị lại vay của anh Q 500.000.000 đồng để trả cho anh Nguyễn Vượng. Hiện nay, chị đã chi tiêu hết số tiền trên. Khi vay chị đều viết giấy nợ viết tay, vay không có lãi suất, khi vay chị không thông báo với Anh H nên Anh H không biết. Vì chi tiêu cho con nên đề nghị Anh H cùng có trách nhiệm trả khoản nợ cho anh Q. Cụ thể số tiền chi tiêu chị đã trình bày tại đơn ngày 14-4-2023. Từ tháng 4-2021 chuyển phôi rã đông 5.000.000/top (3 top) là 15.000.000 đồng, trừ phôi 4.000.000 đồng/top (3 top) là 12.000.000 đồng; tiền thuê nhà trọ ở viện là 13.500.000 đồng; tiền thuê người chăm sóc là 20.000.000 đồng; tiền chi tiêu trong thời kỳ mang thai là 120.000.000 đồng; tiền sắm đồ sơ sinh 30.000.000 đồng; tiền mua gói tiêm là 25.000.000 đồng; tiền mua bím sữa là 25.000.000 đồng. Sinh hoạt cho con và gia đình từ tháng 12/2021 đến nay tháng 4/2023 là 16 tháng, mỗi tháng chi phí hết 20.000.000 đồng tổng cộng là 320.000.000 đồng. Các khoản chi tiêu chị đều không còn hoá

đơn. Hiện nay chị đang làm tại Công ty Yuongone với mức lương 5.800.000 đồng/tháng.

Quan điểm của chị đề nghị được sử dụng nhà đất và thanh toán chênh lệch 1/2 giá trị tài sản cho Anh H. Tất cả các khoản nợ chung mỗi người chịu trách nhiệm trả 1/2.

3. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn Q trình bày:

Ông Đ và bà H là bố mẹ đẻ của chị Vũ Thị P. Thời điểm năm 2018 Anh H vay của ông Đ bà H số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi chị P và Anh H kết hôn, Anh H vay bà H 01 cây vàng bán được 53.000.000 đồng.

Năm 2019 Anh H chị P mua đất, xây nhà ông Đ và bà H đã rút tiền tiết kiệm ở Ngân hàng cho Anh H chị P vay tổng cộng là 1.500.000.000 đồng với lãi suất 7,4%/năm (việc vay tiền không có giấy tờ gì). Đến tháng 3 năm 2021 hai bên thống nhất tiền gốc và lãi, Anh H và chị P trả cho ông Đ bà H số tiền 1.500.000.000 đồng còn nợ lại 160.000.000 đồng. Nay ông Đ và bà H yêu cầu Anh H và chị P trả cho ông bà số 160.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 7,4%/năm trên số tiền còn nợ 160.000.000 đồng từ tháng 4/2021 cho đến khi trả hết nợ và 01 cây vàng 9999 bà H bán được 53.000.000 đồng cho Anh H và chị P vay.

4. Tại bản tự khai ngày 23-3-2023 và ngày 10-4-2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn D trình bày:

Năm 2019 anh làm cửa kính, cầu thang... các thiết bị khác cho công trình nhà ở của Anh H và chị P tại khu đô thị Dệt may Nam Định. Các hạng mục công trình hai bên thống nhất và có hoá đơn mua bán (không có hợp đồng). Quá trình lắp đặt các hạng mục đều có sự giám sát của anh Q là anh trai chị P và ông Đ là bố chị P. Sau khi quyết toán công trình hai bên thống nhất chốt hoá đơn tổng công trình là 193.168.000 đồng, chị P đã ứng cho anh 150.000.000 đồng còn nợ lại 43.168.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó anh đã kiểm tra lại sổ sách và thấy thiếu chưa ghi vào hoá đơn một hạng mục sửa chữa và thay thế kính bộ cửa chính là 7.000.000 đồng. Anh và chị P đã chốt lại số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng. Nay anh yêu cầu Anh H và chị P thanh toán cho anh 50.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi suất.

5. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đức C và là người đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Thị O; anh C trình bày:

Chị O là chị gái anh Trần Đức H. Tháng 3-2021 Anh H có trình bày với vợ chồng anh C hỏi vay số tiền 600.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam.

Ngày 01-4-2021 Anh H đã viết giấy vay tiền, thời hạn vay kể từ ngày 01-4-2021 đến ngày 01-4-2023 với lãi suất 5%/năm. Do chưa chuẩn bị được tiền cho Anh H chị P vay để trả Ngân hàng và chị P không trả lãi Ngân hàng nên từ tháng 6-2021 Anh H đã vay tiền của vợ chồng anh và nhờ anh trả lãi Ngân hàng số tiền khoảng 4.000.000 đồng/tháng.

Từ tháng 7-2021 đến tháng 2-2022 anh đã làm thủ tục chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản của chị Vũ Thị P để Ngân hàng trừ lãi. Tổng cộng tiền lãi anh C đã trả là 32.500.000 đồng. Tháng 02-2022 anh C đã cho Anh H chị P vay 600.000.000 đồng để nộp trả toàn bộ tiền gốc vào khoản vay của Anh H chị P tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam Phòng giao dịch Nguyễn Du.

Nay anh và chị O yêu cầu Anh H và chị P trả cho vợ chồng anh tiền gốc và lãi đã trả cho Ngân hàng là 632.500.000 đồng và lãi 5%/năm trên số tiền 600.000.000 đồng kể từ ngày 01-3-2022 cho đến khi Anh H và chị P thanh toán xong khoản nợ.

6. Tại bản tự khai ngày 02-3-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn Q trình bày:

Anh là anh trai chị Vũ Thị P. Trong thời gian Anh H đi làm xa, khi chị P khó khăn, anh có cho chị P vay 200.000.000 đồng (không có giấy tờ, không lãi suất) vào tháng 12/2021 đến tháng 4/2022 để chuẩn bị cho việc sinh nở. Cụ thể như sau: Tháng 12-2021 cho chị P vay 30.000.000 đồng để sắm đồ sinh em bé; tháng 01-2022 cho chị P vay 25.000.000 đồng để mua gói tiêm phòng cho bé; tháng 02-2022 cho chị P vay 25.000.000 đồng để chi tiêu bím sữa cho con; tháng 4-2022 cho vay 120.000.000 đồng để chi tiêu nuôi con.

Tháng 12-2022 khi anh cần tiền thì chị P đã vay của anh Nguyễn Vượng, địa chỉ 108 đường Lê Hồng Phong, pH Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định 200.000.000 đồng để trả cho anh. Đến tháng 01-2023 khi anh Vượng yêu cầu chị P trả tiền, thì chị P có trình bày với anh, trước đó đã vay của anh Nguyễn Vượng 300.000.000 đồng và nay tổng cộng chị P nợ của anh Vượng 500.000.000 đồng. Anh đã cho chị P vay 500.000.000 đồng để trả nợ cho anh Vượng (có viết giấy vay). Tất cả các lần anh cho chị P vay tiền, Anh H không biết vì Anh H không có nhà. Nay anh yêu cầu Anh H và chị P có trách nhiệm trả cho anh 500.000.000 đồng và anh không yêu cầu tính lãi.

7. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 23-02-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, đại diện chính quyền địa phương cung cấp:

Anh H và chị P có đăng ký kết hôn và chung sống tại địa chỉ số 29 CL3 khu đô thị Dệt May Nam Định. Vợ chồng có một con chung; nay Anh H và chị P có nguyện vọng ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho hai bên.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau:

- Về diện tích đất thừa đất số 10 tờ bản đồ số 14 thửa QH số 29, Lô QH số CL3 tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 820031 đã cấp cho anh Trần Đức H và chị Vũ Thị P diện tích đất ở là 63 m².

- Về tài sản gắn liền với thửa đất số 10 tờ bản đồ số 14 thửa QH số 29, Lô QH số CL3 tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định là nhà bê tông 4 tầng. Diện tích một sàn xây dựng là 63m².

Kết quả định giá tài sản như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất 48.000.000 đồng x 63m² = 3.024.000.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất là: 1.305.231.840 đồng.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị P không có mặt nhưng chị P nhất trí giá của tài sản do Hội đồng định giá định giá.

Tại bản án số 273/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 34, Điều 43, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức H và chị Vũ Thị P.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Vũ Gia B, sinh ngày 13-12-2021 cho chị Vũ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc Anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Giao Anh H quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 10 tờ bản đồ số 14 Thửa QH Số 29, Lô QH số CL3 tại địa chỉ số 29 CL3 khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định. Anh H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị P 1.408.616.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ trả nợ:

Buộc Anh H có trách nhiệm trả cho ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H số tiền là 118.879.000 đồng; trả cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị O số tiền là 335.658.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 11.712.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn D số tiền là 25.000.000 đồng.

Buộc chị P có trách nhiệm trả cho ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H số tiền là 118.879.000 đồng; trả cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị O số tiền là 335.658.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn D số tiền là 25.000.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 488.288.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 273/2023/QĐSCBSQĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 đã sửa chữa như sau: Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Đức H phải nộp 300.000đồng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 chị Vũ Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây:

Chia giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 29-CL3 Khu đô thị dệt May Nam Định cho chị được hưởng 40%, Anh H được hưởng 60% và giao quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho mẹ con chị tiếp tục quản lý sử dụng và chị thanh toán chênh lệch tài sản cho Anh H.

Bác khoản nợ 600 triệu đồng mà Anh H vay của vợ chồng anh C chị O do ngụy tạo ra giấy vay tiền; khoản tiền này Anh H trả cho Ngân hàng là từ tiền lương của Anh H, không có bất kỳ khoản tiền vay nào giữa Anh H và vợ chồng anh C chị O. Công nhận khoản 500 triệu đồng mà chị vay của anh Vũ Văn Q là nợ chung của vợ chồng vì khoản vay này chỉ tiêu trong suốt thời gian chị nằm dưỡng thai, sinh đẻ nuôi con, nghỉ thai sản đề nghị Anh H phải có trách nhiệm 50% đối với khoản nợ này.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 anh Trần Đức H có đơn kháng cáo với nội dung: Anh chỉ nhất trí chia cho chị P từ 10% đến 15% giá trị quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm chia cho chị P 25% giá trị quyền sử dụng đất là thiệt thòi cho anh vì mảnh đất này hoàn toàn là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn với chị P. Anh chỉ đồng ý chia cho chị P 40% giá trị tài sản trên đất vì tiền xây dựng nhà hoàn toàn là tiền lương của anh, chị P không đóng góp tiền vào việc xây nhà và giao cho anh được sở hữu, sử dụng nhà đất anh có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị P.

Tại phiên tòa, Anh H giữ nguyên đơn khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh.

Chị P giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị và sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị P trình bày:

Đối với khoản vay 600 triệu đồng: Là tiền lương của Anh H, Anh H đã thông qua anh C để thanh toán lãi và tất toán số tiền vay 600 triệu với Ngân hàng vì: Giấy vay nợ ngày 01-4-2021 lập trong thời điểm Anh H còn ở nhà vợ chồng Anh H chưa mâu thuẫn, việc vay mượn chị P không biết. Giấy vay nợ ghi vợ chồng chị P vay 600 triệu đồng để tất toán Ngân hàng nhưng thực tế khoản vay mới được giải ngân vài ngày. Anh H ký vào giấy vay 600 triệu đồng vào ngày 01-4-2021 nhưng đến 28-02-2022 vợ chồng anh C chị O mới cho vay. Số tiền trả lãi và số tiền vay 600 triệu đồng là tiền lương Anh H trong thời gian từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, vì trong thời gian này Anh H đi làm nhưng không gửi tiền về cho chị P để trang trải sinh hoạt, thuốc men thuê người chăm sóc trong thời gian chị P nằm viện để sinh cháu Gia Bảo.

Khoản vay 500 triệu đồng của anh Q: Do Anh H không gửi tiền lương về cho chị P, trong khi đó chị P phải điều trị tại bệnh viện, phải thuê người chăm sóc, thuê nhà trọ và sinh con, chăm sóc con chung trong thời gian 6 tháng. Khoản vay 500 triệu đồng là khoản vay thiết yếu phục vụ cho gia đình đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định toàn bộ khoản vay 500 triệu đồng là nợ chung của vợ chồng; Anh H phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị P.

Về quyền sử dụng đất tại thửa đất địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định: Anh H đã tự nguyện đưa chị P vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận nên mảnh đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị P được hưởng 40% giá trị quyền sử dụng đất và chia cho Anh H được hưởng 60% giá trị quyền sử dụng đất. Về tài sản trên đất, căn nhà xây trên đất do Anh H chị P vay của bố mẹ đẻ chị P là ông Đ bà H đề nghị Hội đồng xét xử chia giá trị quyền sở hữu nhà cho Anh H và chị P bằng nhau.

Do khi xây dựng nhà và khi vợ chồng mâu thuẫn Anh H tH xuyên không ở nhà, hiện tại Anh H đang làm tại Thái Bình và có chỗ ở khác, còn chị P đang quản lý nhà và đang nuôi con nhỏ, đề nghị Hội đồng xét xử giao nhà đất cho chị P và chị P sẽ thanh toán chênh lệch cho Anh H.

Anh Q trình bày: Chị P vay của anh 500 triệu đồng để chi tiêu trong quá trình dưỡng thai và sinh cháu Trần Vũ Gia B, khi vay 500 triệu đồng Anh H không biết, anh đề nghị Hội đồng xét xử buộc Anh H và chị P phải có trách nhiệm thanh toán 500 triệu đồng cho anh.

Chị O trình bày: Chị là chị gái Anh H, ngày 01-4-2021 mẹ chị cấp cứu tại Bệnh viện Nam Định - Sài Gòn, chị có bảo con chị đến nhà chị P là vợ Anh H lấy tiền chữa bệnh cho mẹ, thì chị P đưa cho con chị được mấy triệu đồng, nên Anh H đã vay tiền của chị để lo liệu chữa bệnh cho mẹ, lúc đầu không ghi giấy biên nhận, nhưng sau đó Anh H phải đi làm xa thời gian lâu, do chị P không trả lãi Ngân hàng, Anh H hỏi vay 600 triệu đồng của vợ chồng chị để trả Ngân hàng

và thống nhất viết giấy vay tiền ghi ngày 01-4-2021 là ngày Anh H vay tiền chữa bệnh cho mẹ chị. Do chị P không trả lãi Ngân hàng nên chồng chị đã trả lãi Ngân hàng và số tiền vay 600 triệu đồng. Chị đề nghị Anh H và chị P phải trả tiền vay 600 triệu đồng và lãi suất 5%/năm từ 01-3-2022 đến khi trả xong nợ và tiền lãi do chồng chị đã trả lãi Ngân hàng là 32.500.000đ.

Anh C trình bày: Anh là người trả lãi và nợ gốc 600 triệu đồng mà Anh H chị P vay Ngân hàng, do chị P không trả lãi nên Anh H đã nhờ vợ chồng anh trả lãi, anh đã chuyển tiền vào tài khoản của chị P mở tại Ngân hàng để Ngân hàng trừ tiền lãi vay và tất toán khoản vay 600 triệu đồng. Anh nhất trí với ý kiến của chị O buộc Anh H chị P phải trả nợ cho vợ chồng anh.

Anh D trình bày: Anh làm cửa kính và các thiết bị khác cho công trình nhà của Anh H chị P, lúc đầu hai bên đã chốt hóa đơn công trình, sau đó anh kiểm tra lại còn có hóa đơn chưa thanh toán, nên hai bên thống nhất chốt lại số tiền Anh H và chị P còn nợ 50.000.000đồng, anh đề nghị Anh H chị P thanh toán cho anh.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh H; có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị P đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về việc chia cho chị P được hưởng 30%, Anh H được hưởng 70% giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định; các quyết định khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh H và chị P không kháng cáo khoản nợ của ông Vũ Công Đ, bà Vũ Thị H và không kháng cáo khoản nợ của anh D; tuy nhiên ông Đ, bà H có văn bản ủy quyền cho anh Vũ Văn Q tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tại phiên tòa anh Q và anh D đều có mặt, do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Anh Trần Đức H và chị Vũ Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Bảo, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định vào ngày 22-02-2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của anh Trần Đức H và kháng cáo của chị Vũ Thị P:

[3.1] Về thửa đất số 10 tờ bản đồ số 14 thửa QH số 29, Lô QH số CL3 tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định (sau đây viết tắt là thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Anh H và chị P đều trình bày: Năm 2019 Anh H ly hôn với chị Đào Thị Thu H; Anh H được chia mảnh đất tại Tổ dân phố Trung Hành 9, pH Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn với chị P, Anh H đã chuyển nhượng mảnh đất trên với giá 2.156.000.000đồng; sau đó Anh H dùng số tiền này nhận chuyển nhượng mảnh đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định vào khoảng tháng 4 năm 2019 trị giá 1.827.000.000 đồng.

[3.3] Xét thấy, nguồn tiền để nhận chuyển nhượng mảnh đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định là của Anh H có trước khi kết hôn với chị P; tuy nhiên Anh H đã tự nguyện đưa tên chị P vào hợp đồng chuyển nhượng và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị P đã được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng Anh H; cấp sơ thẩm xác định thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Vì vậy, cấp phúc thẩm chia cho chị P được hưởng 30% giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với 907.200.000đồng và chia cho Anh H được hưởng 70% giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với 2.116.800.000đồng.

[3.4] Về công trình xây dựng trên đất: Anh H và chị P đều trình bày đã vay 1.500.000.000 đồng của bố mẹ chị P là ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H để cùng xây dựng nhà bê tông 4 tầng trên thửa đất; cấp sơ thẩm xác định công trình xây dựng trên đất là tài sản chung của vợ chồng và được chia Anh H, chị P mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản trên đất là có căn cứ; cụ thể Anh H được chia là 652.615.920đồng, chị P được chia là 652.615.920đồng.

[3.5] Tổng giá trị tài sản chung Anh H được chia là 2.769.415.920 đồng, chị Phương được chia là 1.559.815.920 đồng.

[4] Về chia hiện vật: Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh H và chị P đều có nguyện vọng được nhận nhà đất. Xét thấy, nguồn tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định là của Anh H có trước khi kết hôn với chị P. Căn cứ vào bảng lương của Anh H lưu hồ sơ vụ án và lời trình bày của Anh H tại phiên tòa thì mức lương của Anh H dao động trong khoảng từ 80 triệu đồng đến 83 triệu đồng trên tháng, trong khi đó mức lương của chị P là 5.800.000đ/tháng; do vậy nguồn tiền để nhận chuyển nhượng đất và xây dựng công trình trên đất cũng như chi trả việc sinh cháu Bảo, mua sắm xe ô tô, xe máy và đồ dùng sinh hoạt gia đình đều cơ bản trên khoản tiền lương của Anh H.

[4.1] Trong khi đó, trước khi Anh H đi công tác, Anh H còn gửi về cho chị P tổng số tiền 1.136.000.000 đồng; để lại gia đình 01 xe SH chị P đã bán 70.000.000 đồng và 02 cây vàng do chị P đang quản lý; bộ bàn ghế và toàn bộ đồ

dùng sinh hoạt trong gia đình chị P đã bán 29.000.000 đồng. Do những tài sản trên chị P đã bán nên Anh H cũng nhất trí và không yêu cầu giải quyết.

[4.2] Tại phiên tòa, Anh H trình bày, hiện tại anh và bố mẹ anh không có chỗ ở và anh tự nguyện giao cho chị P số tiền chênh lệch tài sản là 1.480.000.000 đồng để chị P đi mua chỗ ở mới tại thành phố Nam Định; còn chị P trình bày, tại phiên tòa chị P cũng tự nguyện giao cho Anh H 1.300.000.000 đồng số tiền chênh lệch tài sản, số tiền còn lại chị sẽ thanh toán cho Anh H trong thời hạn 30 ngày; số tiền 1,3 tỷ đồng này do bố mẹ, anh em hỗ trợ và chị có trách nhiệm trả cho bố mẹ và anh chị số tiền này.

[4.3] Xét thấy, theo chị P trình bày chị có nguyện vọng được nhận nhà đất vì chị đang nuôi con, tuy nhiên với số tiền 1,4 tỷ đồng mà Anh H giao cho chị P tại phiên tòa phúc thẩm, thì chị P cũng đủ để mua được căn nhà tại thành phố Nam Định tại thời điểm này để chị P và con chung sinh sống, nhưng chị P không nhận số tiền này, còn Anh H cũng không nhận số tiền 1,3 tỷ đồng mà chị P tự nguyện giao tại phiên tòa, như vậy cả chị P và Anh H đều muốn giữ nhà đất này. Tuy nhiên, nhà đất này được tạo dựng cơ bản từ khoản tiền của Anh H có trước kết hôn với chị P và từ tiền lương của Anh H, do vậy Hội đồng xét xử giao nhà đất này cho Anh H sở hữu, sử dụng là phù hợp.

[5] Do Anh H được sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất nên Anh H phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho chị P là 1.559.815.920 đồng.

[6] Về khoản nợ anh Trần Đức C và chị Trần Thị O:

[6.1] Căn cứ các chứng từ giao dịch ngày 20-7-2021, ngày 20-8-2021, ngày 20-9-2021, ngày 20-10-2021, ngày 19-11-2021, ngày 15-12-2021, ngày 20-01-2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Vụ B, thể hiện anh Trần Đức C đã chuyển vào tài khoản của chị Vũ Thị P tổng số tiền là 28.600.000 đồng và ngày 18-02-2022 anh C đã nộp tiền mặt 603.900.000 đồng vào tài khoản của chị P để thanh toán tiền lãi và tất toán món vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam. Như vậy, toàn bộ nợ gốc 600.000.000 đồng và lãi phát sinh từ tháng 7-2021 cho đến khi tất toán khoản vay là 32.500.000 đồng đều do anh C thanh toán cho Ngân hàng thông qua tài khoản của chị P mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành Nam nên chị P có biết việc giao dịch này của anh C. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc chị P và Anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền anh C đã thanh toán cho Ngân hàng qua tài khoản của chị P là có căn cứ và buộc Anh H chị P phải trả lãi đối với 600 triệu đồng với mức lãi suất 5%/năm từ tháng 7/2021 đến thời điểm xét xử 16-6-2023 là phù hợp pháp luật cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[7] Về khoản nợ của anh Vũ Văn Q: Chị P trình bày trong thời gian Anh H không gửi tiền về, do không có tiền để chi phí, chị đã vay nhiều lần tổng là 300 triệu đồng của anh Nguyễn Vượng ở 108 đường Lê Hồng Phong, pH Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, sau đó vay của anh Vũ Văn Q là anh trai chị 200

triệu đồng để mua đồ sơ sinh, mua gói tiêm chủng, mua đồ dùng vật dụng trong thời gian sinh và các khoản tiền chi phí khi sinh con, chi tiêu sinh hoạt trong các tháng tiếp theo. Do anh Q có việc đột suất nên chị đã vay của anh Vượng 200 triệu đồng để trả cho anh Q. Do anh Vượng biết vợ chồng chị ly hôn, nên anh Vượng đòi tiền, chị đã vay anh Q 500 triệu đồng để trả cho anh Vượng việc vay tiền giữa chị và anh Q có viết giấy vay tiền vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

[7.1] Xét thấy, tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 10 tháng 4 năm 2023 Công an pH Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định cung cấp: Anh Nguyễn Vượng, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu tH trú tại: 108 Lê Hồng Phong, pH Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định, nhưng anh Vượng không cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên, hiện nay tại 108 Lê Hồng Phong, pH Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định không có ai tên là Vượng sinh sống. Đối với việc vay 500 triệu đồng giữa anh Q và chị P có viết giấy biên nhận nhưng giữa anh Q và chị P là quan hệ anh em ruột thịt, việc cho vay không có người làm chứng; mặt khác, cả anh Q và chị P đều thừa nhận Anh H không biết khoản vay này và Anh H không thừa nhận số tiền vay của anh Q ngoại trừ số tiền thuộc gói tiêm chủng cho con chung. Do vậy, kháng cáo của chị P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ khoản vay 500 triệu của anh Q không được chấp nhận.

[7.2] Tuy nhiên, tại phần nhận định cấp sơ thẩm đã chấp nhận 04 biên lai tiêm chủng của cháu Trần Vũ Gia B gồm biên lai ngày 06-01-2022 số tiền 18.061.400 đồng; biên lai ngày 07-01-2022 số tiền 125.000 đồng; biên lai ngày 27-6-2022 số tiền 295.000 đồng; biên lai ngày 13-12-2022 số tiền 4.943.000 đồng, tổng cộng là 23.424.400 đồng là khoản tiền chi tiêu nằm trong số tiền vay của anh Q. Do Anh H cũng nhất trí số tiền tiêm chủng của con chung là nợ chung nên cấp sơ thẩm đã nhận định buộc Anh H và chị P mỗi người phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán 1/2 giá trị gói tiêm chủng của con chung là 11.712.200 đồng là phù hợp, nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa tuyên buộc chị P có trách nhiệm trả anh Q số tiền 11.712.200 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm anh Q đề nghị buộc chị P phải trả cho anh số tiền 11.712.200 đồng, do vậy cần bổ sung khoản nợ này tại phần quyết định bản án phúc thẩm.

[7.3] Số tiền còn lại là 488.288.000 đồng cấp sơ thẩm xác định là nợ riêng của chị P nên buộc chị P phải có trách nhiệm trả cho anh Q là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Anh H, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của chị P sửa bản án sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Anh H không được chấp nhận nên Anh H phải nộp án phí phúc thẩm.

[9.1] Do kháng cáo của chị P được chấp nhận một phần nên chị P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho chị P số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm nghĩa vụ trả nợ chung: Anh H, chị P cùng có nghĩa vụ trả nợ đối với ông Đ bà H, anh D, anh C chị O và một phần nghĩa vụ với anh Q, cụ thể là 92.379.000 đồng + 26.500.000đồng + 25.000.000đồng + 335.658.000đồng + 11.712.000 đồng = 491.249.000đồng;chị P, Anh H mỗi người phải nộp án phí là 23.650.000đồng như án sơ thẩm đã tính phù hợp quy định của pháp luật.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản: Anh H được chia tài sản trị giá là 2.769.415.920 đồng - 491.249.000đồng (nghĩa vụ trả nợ) = 2.278.166.920 đồng, Anh H phải chịu án phí là 72.000.000đồng + (2% x 278.166.920) = 77.563.338đồng.

[11.1] Chị P được chia tài sản giá trị là 1.559.815.920 đồng - 491.249.000đồng (nghĩa vụ trả nợ) = 1.068.566.920 đồng, chị P phải chịu án phí là 36.000.000đồng + (3% x 268.566.920) = 44.057.007 đồng.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Đức H.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Vũ Thị P. Sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng và nghĩa vụ trả nợ.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Trần Đức H được quyền sử dụng 63m²đất ở và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 10 tờ bản đồ số 14 Thửa QH số 29, Lô QH số CL3 tại địa chỉ số 29 CL3 Khu đô thị Dệt may Nam Định, pH Trần Đăng N, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số SY 820031 ngày 01 tháng 8 năm 2021 đứng tên anh Trần Đức H và chị Vũ Thị P.

Buộc anh Trần Đức H phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Vũ Thị P 1.559.815.920 đồng.

Chị P có trách nhiệm bàn giao nhà đất nêu trên cho Anh H theo quyết định của bản án. Anh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

4. Về nghĩa vụ trả nợ:

4.1. Buộc anh Trần Đức H có trách nhiệm trả cho ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H số tiền là 118.879.000 đồng; trả cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị O số tiền là 335.658.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 11.712.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn D số tiền là 25.000.000 đồng.

4.2. Buộc chị Vũ Thị P có trách nhiệm trả cho ông Vũ Công Đ và bà Vũ Thị H số tiền là 118.879.000 đồng; trả cho anh Trần Đức C và chị Trần Thị O số tiền là 335.658.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn D số tiền là 25.000.000 đồng; trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 11.712.000 đồng.

4.3. Buộc chị Vũ Thị P có trách nhiệm trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 488.288.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H phải nộp là 300.000đồng nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm Anh H đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0000200 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Chị P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho chị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng tại biên lai số 0000209 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

6. Án phí ly hôn sơ thẩm Anh H phải nộp 75.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con Anh H phải nộp 300.000đồng; án phí về nghĩa vụ trả nợ chung Anh H phải nộp 23.650.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản Anh H phải nộp là 77.563.338đồngnhưng được khấu trừ với số tiền Anh H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005737 ngày 16-12-2022 và 22.800.000 đồng Anh H đã nộp tại biên lai số 0005775 ngày 04-01-2023 củaChi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

7. Án phí ly hôn sơ thẩm chị P phải nộp 75.000 đồng; án phí về nghĩa vụ trả nợ chung chị P phải nộp 23.650.000 đồng; án phí về nghĩa vụ trả nợ riêng chị P phải nộp 23.063.000 đồng; án phí chia tài sản chị P phải nộp là 44.057.007 đồng.

8. Giữ nguyên các quyết định khác của bản án số 273/2023/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Văn Tùng

Vũ Thị Mai Hương

Vũ Thị Thu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- UBND xã Liên Bảo, huyện Vụ B, tỉnh Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu

